TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CĐ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 77 /2023/HNGĐ-ST
Ngày: 25-7- 2023
"V/v Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ cH và nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CĐ, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Út

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Thị Kim Quyên

2. Bà Phạm Ngọc Mai

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Đỗ Văn Tùng- Thư ký Tòa án nhân dân huyện CĐ, tỉnh Long An.

Ngày 25 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện CĐ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 341/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2023 về việc " Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ cH và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Văn C, sinh năm 1970;

Địa chỉ: ấp 1B, xã LH, huyện CĐ, tỉnh Long An, (có mặt).

- Bị đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1967.

Địa chỉ: ấp 1B, xã LH, huyện CĐ, tỉnh Long An, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 13/12/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Ông Lê Văn C trình bày: Ông và bà Trần Thị H sống chung với nhau vào năm 1989 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống giữa ông với bà H phát sinh nhiều mâu thuẫn nên không còn chung sống với nhau từ tháng 10 năm 2022 đến nay. Nay ông yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với bà H.

-Về con chung: Có 03 người con chung gồm: Lê Thị Mỹ L, sinh ngày

15/3/1990, Lê Quang L, sinh ngày 11/3/2004, Lê Trần Quang S, sinh ngày 08/9/2005. Ông C yêu cầu được nuôi con chung là Lê Trần Quang S vì S có nguyện vọng sống với cha và không yêu cầu bà H phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung là Lê Thị Mỹ L, Lê Quang L đã trưởng thành nên tự quyết định việc sống với cha hay mẹ, ông không có yêu cầu.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Nợ chung: Không có

- *Bị đơn bà Trần Thị H trình bày tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa:* Bà thống nhất với toàn bộ trình bày của ông C về thời gian chung sống cũng như không có đăng ký kết hôn. Việc ông C yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng bà cũng đồng ý.

-Về con chung: Có 03 người con chung gồm: Lê Thị Mỹ L, sinh ngày 15/3/1990, Lê Quang L, sinh ngày 11/3/2004, Lê Trần Quang S, sinh ngày 08/9/2005. Ông C yêu cầu được nuôi con chung là Lê Trần Quang S và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, bà cũng đồng ý. Đối với con chung là Lê Thị Mỹ L, Lê Quang L đã trưởng thành nên tự quyết định việc sống với cha hay mẹ, bà không có yêu cầu.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Nợ chung: Không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết

Ông Lê Văn C khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ vợ cH và nuôi con chung với bà Trần Thị H là quan hệ tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng và nuôi con chung. Căn cứ theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CĐ, tỉnh Long An.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Ông Lê Văn C và bà Trần Thị H chung sống với nhau vào năm 1989 nhưng không có đăng ký kết hôn là đã vi phạm Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Từ tháng 10 năm 2022, ông C và bà H không còn chung sống với nhau cho đến nay. Nay ông C yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông C với bà H là có căn cứ cần được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Ông C và bà H có 03 người con chung gồm: Lê Thị Mỹ L, sinh ngày 15/3/1990, Lê Quang L, sinh ngày 11/3/2004, Lê Trần Quang S, sinh ngày 08/9/2005. Ông C yêu cầu được nuôi con chung là Lê Trần Quang S và cháu

S cũng có đơn nguyện vọng sống với cha nên yêu cầu của ông C có căn cứ chấp nhận. Đối với con chung là Lê Thị Mỹ L và Lê Quang L đã trưởng thành nên tự quyết định việc sống với cha hay mẹ, ông C và bà H không có yêu cầu nên xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông C không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung: Ông C và bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.5] Về nợ chung: Ông C và bà H đều xác định không có nợ chung.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông C phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

[4] Về quyền, thời hạn kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 266, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 9,81,82,83,84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn C về việc không công nhân quan hệ vợ chồngvà nuôi con chung với bị đơn bà Trần Thị H.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Lê Văn C với bà Trần Thị H.

2. Về nuôi con chung: Ông C được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi con chung là Lê Trần Quang S, sinh ngày 08/9/2005, bà H không phải cấp dưỡng nuôi con do ông C không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3.Về tài sản chung: Ông C và bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết

4. Về nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Ông Lê Văn C phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm. Ông C được khấu trừ 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0005696 ngày 28/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CĐ, ông C đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền, thời hạn kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người đựơc thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện CĐ;
- Chi cục THADS huyện CĐ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Út